

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nhà máy giày Thường Xuân tại xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Giày Thường Xuân**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 1532/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư của dự án Nhà máy giày Thường Xuân tại xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa;*

*Xét văn bản số 280/STNMT-BVMT ngày 12/01/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM “Dự án Nhà máy giày Thường Xuân tại xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa”;*

*Xét Công văn số 55/CV-GTX ngày 01/02/2023 của Công ty TNHH giày Thường Xuân về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy Giày Thường Xuân tại xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 65/Tr-STNMT ngày 03/02/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy giầy Thường Xuân tại xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH Giày Thường Xuân (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy giầy Thường Xuân tại xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Giày Thường Xuân thực hiện tại xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân, Giám đốc Công ty TNHH Giày Thường Xuân và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Xuân Dương (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Đức Giang**

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**Nhà máy giày Thường Xuân tại xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân,**  
**tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Giày Thường Xuân**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /202 của  
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

**1. Thông tin về dự án:**

**1.1. Thông tin chung:**

- Tên dự án: Nhà máy giày Thường Xuân tại xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

- Địa điểm thực hiện: xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Giày Thường Xuân.

+ Người đại diện: Chu Ngọc Huyền

+ Chức vụ: Giám đốc.

+ Địa chỉ: BT30 đường Chu Nguyên Lương, MBQH số 08/UB-CN, phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:**

- Phạm vi: Dự án Nhà máy giày Thường Xuân được thực hiện trên khu đất thuộc địa giới hành chính xã tại xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa với tổng diện tích 50.031,56 m<sup>2</sup>; trong đó, đất công trình xây dựng: 28.345,51 m<sup>2</sup>; đất cây xanh, bồn hoa: 10.049 m<sup>2</sup>; đất sân đường, vỉa hè nội bộ: 11.637,05 m<sup>2</sup>.

- Quy mô sản xuất: 2.200.000 đôi mũ giày/năm

**1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:**

- Các hạng mục công trình: Nhà xưởng số 1 (02 tầng, diện tích 5.472 m<sup>2</sup>); Nhà xưởng số 2 (02 tầng, diện tích 5.472 m<sup>2</sup>); Nhà xưởng số 3 (02 tầng, diện tích 5.472 m<sup>2</sup>); Nhà ăn ca (01 tầng, 3210 m<sup>2</sup>); Nhà văn phòng (03 tầng, 324 m<sup>2</sup>); Nhà tổng hợp (01 tầng, 990 m<sup>2</sup>); Kho keo, hóa chất (01 tầng, 540 m<sup>2</sup>); Nhà trạm điện (02 tầng, 570 m<sup>2</sup>); Nhà rác (01 tầng, 540 m<sup>2</sup>); Nhà bảo vệ 1 (01 tầng, diện tích 50 m<sup>2</sup>); 3 nhà vệ sinh (02 tầng, tổng diện tích 530 m<sup>2</sup>); Nhà cầu (248 m<sup>2</sup>); Nhà phân phối điện (01 tầng, 30m<sup>2</sup>); Nhà xe công nhân (01 tầng, 4.110 m<sup>2</sup>) và các công trình phụ trợ khác.

- Hoạt động của dự án:

+ Xây dựng các công trình phục vụ Dự án;

+ Vận hành Dự án: Sản xuất gia công mũ giày

**1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:** Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa.

**2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

- Giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động thi công xây dựng các công trình của dự án, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy

móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng... Các hoạt động này phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung, ảnh hưởng đến thủy lợi...; tác động đến dân cư và các yếu tố tự nhiên, xã hội khác.

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động sản xuất, vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm, sinh hoạt của công nhân,... phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại..., tác động đến công nhân, môi trường tự nhiên và các yếu tố xã hội khác.

### **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:**

#### **3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:**

##### **3.1.1. Nước thải, khí thải:**

###### *3.1.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:*

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng  $1,55 \text{ m}^3/\text{ngày}$  (bao gồm nước rửa tay, chân:  $1 \text{ m}^3/\text{ngày}$ ; và nước nhà vệ sinh  $0,42 \text{ m}^3/\text{ngày}$ ; nước thải nhà bếp  $0,13 \text{ m}^3/\text{ngày}$ ). Thành phần chủ yếu gồm: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải phát sinh từ quá trình rửa lốp xe khoảng  $11 \text{ m}^3/\text{ngày}$ . Thành phần chủ yếu gồm: cặn lơ lửng, dầu mỡ.

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường thi công có lưu lượng tối đa  $499 \text{ m}^3/\text{h}$ . Thành phần chủ yếu gồm: bùn đất, rác thải.

###### *3.1.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:*

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công các hạng mục công trình gồm: Bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án, bụi cuốn theo lốp xe. Thành phần chủ yếu gồm: bụi vô cơ, khí CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub> và VOC...

- Bụi và khí thải từ hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án gồm: bụi từ đào đắp trên công trường, trút đổ nguyên vật liệu, thi công công trình, bụi và khí thải từ các máy móc thiết bị tiêu thụ dầu DO,... Thành phần chủ yếu gồm: bụi vô cơ, khí CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub> và VOC...

##### **3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

###### *3.1.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường:*

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng  $15,5 \text{ kg}/\text{ngày}$ . Thành phần chủ yếu gồm: thức ăn thừa của công nhân, nhựa, giấy, bìa carton, nilon, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình thi công xây dựng  $2989,6 \text{ tấn}$  đất, đá, cát và  $205,1 \text{ tấn}$  vật liệu xây dựng khác (sắt, vôi vụn, nhựa, ván gỗ); chất thải vỏ bao bì xi măng  $1,15 \text{ tấn}$ .

###### *3.1.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:*

- Khối lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh khoảng  $45 \text{ kg}/\text{giai đoạn thi công}$ . Thành phần chủ yếu gồm: giẻ lau dính dầu, pin, bóng đèn neon.

- Khối lượng dầu thải từ các phương tiện thi công dự án phát sinh tại công trường tối đa 404 lít/giai đoạn thi công.

### **3.1.3. Tiếng ồn, độ rung:**

- Tác động do tiếng ồn, độ rung từ hoạt động thi công và vận chuyển nguyên nhiên vật liệu; các rủi ro, sự cố môi trường như: cháy nổ, an toàn lao động,...

## **3.2. Giai đoạn vận hành;**

### **3.2.1. Nước thải, khí thải:**

#### *3.2.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:*

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 74,8 m<sup>3</sup>/ngày (bao gồm: nước thải rửa tay chân khoảng 22,4 m<sup>3</sup>/ngày.đêm; nước thải nhà vệ sinh khoảng 48,6 m<sup>3</sup>/ngày.đêm; nước thải từ quá trình rửa dụng cụ chứa đồ ăn khoảng 3,8 m<sup>3</sup>/ngày). Thành phần chủ yếu gồm: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải từ quá trình rửa khuôn in và các dụng cụ in của phân xưởng in xoa: 5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu gồm: chất có độ màu lớn, chất hữu cơ khó phân hủy.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh dụng cụ pha chế keo, pha chế hóa chất: 5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu gồm: chất hữu cơ khó phân hủy, chất rắn lơ lửng.

#### *3.2.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:*

- Bụi, khí thải từ quá trình sản xuất của nhà máy: khu vực cắt, may, kho, công đoạn in xoa, chùi rửa sản phẩm, khu vực pha chế keo, quét keo, quét nước xử lý... không liên tục, chỉ tác động trong phạm vi nhà xưởng. Thành phần gồm bụi, hơi dung môi hữu cơ,...

- Bụi và khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng: Thành phần gồm bụi vô cơ, khí CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub> và CO.

- Bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào nhà máy: Thành phần gồm bụi vô cơ, khí CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub> và VOC.

- Các hơi khí độc hại như H<sub>2</sub>S; NH<sub>3</sub>; CH<sub>4</sub>... phát sinh từ các công trình xử lý nước thải.

### **3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

#### *3.2.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường:*

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh giai đoạn vận hành khoảng 635 kg/ngày, gồm các chất hữu cơ dễ phân huỷ khoảng 445kg/ngày; chất thải có thể tái chế khoảng 63kg/ngày; chất thải có thể đốt cháy khoảng 63 kg/ngày; các chất thải tro khác khoảng 64kg/ngày.

- Chất thải rắn sản xuất phát sinh giai đoạn vận hành khoảng 45,3 tấn/năm, thành phần gồm: Da, vụn vải, sản phẩm lỗi,...

#### *3.2.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:*

- Chất chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án gồm: ắc quy, pin, mực in xoa thải, bao bì cứng thải bằng nhựa chứa hóa chất hết hạn,

than hoạt tính, dầu thải, ...: 8,3 tấn/năm.

### 3.2.2.3. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải:

- Chất thải từ bùn cặn từ hệ thống thu gom và xử lý nước thải khoảng 139 kg/ngày.

### 3.2.2.3. Tiếng ồn, độ rung, nhiệt dư và các tác động khác

- Tiếng ồn, độ rung, nhiệt dư phát sinh từ quá trình sản xuất; từ phương tiện ra vào nhà máy,... và các rủi ro, sự cố môi trường như: cháy nổ, an toàn lao động, hư hỏng hệ thống xử lý chất thải, ...

## 4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

### 4.1. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

#### 4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

##### 4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

##### a. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Nước thải từ quá trình rửa tay chân thu gom dẫn về bể lắng (dung tích  $3,4m^3$ , kích thước:  $1,5m \times 1,5m \times 1,5m$ ; có đáy và thành được lót bằng vải địa kỹ thuật HDPE chống thấm) để lắng và tái sử dụng phun ẩm chống bụi khu vực công trường thi công dự án.

- Nước thải nhà bếp thu gom và dẫn vào 01 bể gạt dầu mỡ dung tích 50 lít sau đó dẫn về bể lắng dung tích  $3,4m^3$  (cùng với nước vệ sinh tay chân) để lắng và tái sử dụng phun ẩm chống bụi khu vực công trường thi công dự án.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện):  $0,42 m^3/ngày$  thu gom lưu chứa bằng 2 nhà vệ sinh di động (kích thước  $2,5m \times 1,3m \times 1m$ ; bể chứa chất thải 500 lít) đặt tại khu lán trại; hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 1 ngày/lần) bằng xe chuyên dụng.

##### b. Các biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:

Nước thải từ quá trình vệ sinh thiết bị với lưu lượng  $11 m^3/ngày$ , thu gom và dẫn về hố lắng có thể tích  $4,5m^3$  (kích thước  $2m \times 1,5m \times 1,5m$ ) được xây dựng bằng cách đào hồ sau đó dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành để chống thấm, chia làm 2 ngăn bởi vách ngăn lưng, trong bể bố trí 1 phao quay thu vớt dầu) để chứa và lắng nước thải vệ sinh máy móc, thiết bị thi công. Nước thải sau khi lắng tái sử dụng để vệ sinh thiết bị và phun ẩm chống bụi khu vực công trường.

##### c. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (đá, cát, xi măng, sắt thép...) phục vụ quá trình thi công xây dựng phải che chắn bằng bạt.

- Không để vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại, dầu mỡ và chất thải nguy hại do các phương tiện vận chuyển và thi công gây ra, không để rò rỉ ra môi trường.

- Chất thải sinh hoạt và các chất thải được lưu chứa trong các dụng cụ lưu chứa, không xả rác ra khu vực công trường, để tránh rác thải cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn.

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm có kích thước là 50cm x 50cm dọc theo chiều dài khu đất, khoảng cách giữa các rãnh tạm là 30m. Trên các rãnh tạm bố trí các hố ga tạm kích thước 1x1x1m để lắng bùn đất, khoảng cách giữa các hố ga 30m/hố ga. Nước mưa được thu gom và dẫn vào hệ thống mương thoát nước mặt dọc QL47 phía Nam tiếp giáp dự án.

#### **4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:**

- Lắp dựng khoảng 120 m rào tôn, cao 2,5m ở ranh giới phía tiếp giáp với các hộ dân cư dọc đường QL47.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân thi công trên công trường với số lượng, 2 bộ/người/năm.

- Tưới ẩm khu vực thi công và tuyến đường QL47 và đường liên huyện đoạn tiếp giáp dự án. Tần suất tưới ẩm chống bụi 4 lần/ngày và thực hiện bổ sung khi bụi phát sinh nhiều.

- Thi công đúng kỹ thuật, san gạt lu lèn ngay sau khi trút đổ vật liệu san nền; vận chuyển nguyên vật liệu trên các xe có bạt che phủ, chở đúng tải trọng quy định, tuân thủ tốc độ di chuyển trên các tuyến đường.

- Khi thi công trong quá trình đào đắp, trút đổ vật liệu nếu quá khô phát sinh nhiều bụi, thực hiện tưới ẩm để dập bụi.

- Các phương tiện máy móc thi công trong dự án đảm bảo được kiểm định đúng quy định và bảo dưỡng thường xuyên. Tuân thủ chế độ đăng kiểm theo quy định, việc sử dụng các phương tiện và máy móc đảm bảo còn niên hạn.

- Bố trí khu vực rửa xe máy và thiết bị thi công dự án trước khi ra khỏi khu vực công trường tại cổng ra vào công trường. Khu rửa xe bố trí với diện tích 40m<sup>2</sup>, bê tông hóa mặt nền, có rãnh thoát nước và bể chứa nước rửa xe, bể lắng nước vệ sinh phương tiện. Xe vận chuyển đất và vật liệu xây dựng từ công trường trước khi ra khỏi công trường được phun nước rửa sạch lốp xe và bùn đất dính bên ngoài xe nếu có.

#### **4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

##### **4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:**

###### **a. Đối với chất thải rắn sinh hoạt:**

- Trang bị 04 thùng đựng rác có nắp đậy (dung tích 20 lít/thùng) tại vị trí lán trại công nhân để thu gom và lưu chứa rác thải sinh hoạt công nhân xây dựng.

- Toàn bộ rác thải sinh hoạt hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 01 ngày/lần.

###### **b. Đối với chất thải rắn xây dựng:**

- Vật liệu xây dựng rơi vãi thu gom tái sử dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng tại dự án. Vụn sắt, thép 205,1 tấn, bao bì xi măng 1,146 tấn thu gom tận dụng hoặc bán phế liệu.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi

trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành liên quan khác về bảo vệ môi trường.

**4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:**

- Trang bị 02 thùng chuyên dụng 60 lít/thùng và 01 thùng 200 lit để thu gom (trong đó 01 thùng 200 lit chứa CTNH dạng lỏng và 02 thùng 60 lit chứa CTNH dạng rắn). Các thùng chứa chất thải nguy hại đều có nắp đậy kín, bên ngoài thùng có biểu tượng cảnh báo nguy hại, có dán nhãn mác và được đặt trong góc nhà kho tạm diện tích khoảng 10m<sup>2</sup>.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển xử lý chất thải nguy hại sau khi kết thúc thi công.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành liên quan khác về bảo vệ môi trường.

**4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:**

- Hạn chế vận hành những máy móc thiết bị đồng thời để giảm tiếng ồn, độ rung cộng hưởng, nhất là vị trí gần các khu vực nhạy cảm.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

- Quy định tốc độ xe, máy móc thi công khi di chuyển trong công trường không quá 5km/h.

- Không tiến hành thi công vào khoảng thời gian từ 22 giờ ÷ 6 giờ ngày hôm sau và 11 giờ ÷ 13 giờ.

- Trang bị nút tai chống ồn cho công nhân thi công tại các vị trí có tiếng ồn lớn, vận hành các thiết bị có độ ồn cao.

**4.2. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án trong giai đoạn vận hành:**

**4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:**

**4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:**

- Bố trí hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom nước thải tách riêng với hệ thống xử lý nước thải; thường xuyên thực hiện nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ.

- Nước mưa chảy tràn sau khi thu gom bằng hệ thống máng thu nước mái, ống nhựa PVC, cửa thu nước dẫn về hệ thống rãnh thoát nước mưa của dự án có các hồ gas để lắng chặn trước khi thoát ra mương thoát nước của khu vực là mương thoát nước dọc đường QL47 phía Nam dự án.

- Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh của cán bộ, nhân viên tại nhà máy xử lý sơ bộ bằng 10 bể tự hoại 3 ngăn (8 bể tại nhà vệ sinh các xưởng, 01 bể tại nhà tổng hợp, 01 bể tại nhà văn phòng). Thể tích mỗi bể 33m<sup>3</sup>/bể. Kích thước



xây dựng 3m x 5m x 2,2m. Tổng thể tích các bể tự hoại là 333m<sup>3</sup>. Sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy (công suất 120m<sup>3</sup>/ngày.đêm) để tiếp tục xử lý.

- Nước thải phát sinh từ rửa tay chân, tắm giặt thu gom bằng đường ống PVC và hố ga, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy (công suất 120m<sup>3</sup>/ngày.đêm) để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ quá trình rửa các đồ đựng thức ăn của công nhân khu vực nhà bếp được xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ. Lắp đặt 10 bể tách mỡ, mỗi bể có thể tích 100lit ngay dưới các bồn rửa khu vực nhà ăn để thu gom và tách mỡ từ nước thải nhà ăn. Nước thải sau khi tách mỡ được dẫn về hệ thống XLNT tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước sản xuất phát sinh từ quá trình rửa khuôn in và các dụng cụ in của phân xưởng in xoa, Nước thải từ quá trình vệ sinh dụng cụ pha chế keo, pha chế hóa chất được thu gom riêng, dẫn về hệ thống xử lý sơ bộ nước thải sản xuất (công suất 10m<sup>3</sup>/ngày.đêm) để xử lý sơ bộ sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung xử lý cùng nước thải sinh hoạt. Quy trình xử lý nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất → Bể thu gom nước thải sản xuất → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 120m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất sau khi xử lý sơ bộ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 120m<sup>3</sup>/ngày.đêm) để xử lý.

+ Quy trình xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung: Nước thải sinh hoạt và sản xuất sau xử lý sơ bộ → Bể Thu gom → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể khử nitơ → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bể keo tụ/khuấy nhanh → Bể lắng nghiêng → Bể chứa nước → Bồn lọc cát → Bồn lọc than → Bể khử trùng (thiết bị khuấy tĩnh) → Tái sử dụng/thải ra mương thoát nước dọc QL47 phía Nam dự án;

+ Xây dựng bể chứa nước sau xử lý phục vụ tái sử dụng, PCCC và để phòng ngừa sự cố, có kích thước 10m x 5m x 4m, tổng thể tích 200m<sup>3</sup> (chia làm 2 ngăn, 1 ngăn 80m<sup>3</sup> chứa nước sau xử lý tái sử dụng và 1 ngăn 120m<sup>3</sup> chứa nước thải trong trường hợp xảy ra sự cố hệ thống nước thải tập trung).

- Nước sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng thải công nghiệp, một phần tái sử dụng tưới cây, đội nhà vệ sinh phần còn lại xả thải ra mương thoát nước dọc QL47 phía Nam dự án.

#### 4.2.1.2 Đối với thu gom và xử lý bụi và khí thải:

- Đối với mùi phát sinh từ công đoạn pha chế keo: Sử dụng hệ thống hút và xử lý mùi hơi keo, gồm: Chụp hút tại khu vực pha chế keo → Quạt hút (Công suất 0,5kW, lưu lượng 5.000 m<sup>3</sup>/h) → Buồng hấp thụ khí than hoạt tính → Ống thoát khí đường kính D300mm, cao 12m.

- Đối với mùi phát sinh từ công đoạn in xoa: Lắp đặt và sử dụng hệ thống hút và xử lý mùi hơi dung môi hữu cơ, mỗi hệ thống gồm: Chụp hút tại khu vực

in xoa → Quạt hút (Công suất 12kW, lưu lượng 10.000 m<sup>3</sup>/h) → Buồng hấp thụ khí than hoạt tính → Ống thoát khí đường kính D300mm, cao 12m.

- Đối với mùi phát sinh từ công đoạn quét nước xử lý, quét keo, ép nhiệt: Sử dụng hệ thống hút và xử lý hơi keo lắp đặt ngay tại các máy ép, mỗi hệ thống gồm: Buồng hấp thụ khí than hoạt tính → Quạt hút (Công suất 0,12kW, lưu lượng 1.100 m<sup>3</sup>/h) → Ống thoát khí đường kính D300mm.

- Sử dụng quạt thông gió nhà xưởng, kho hóa chất, kho thành phẩm và lắp đặt điều hòa không khí tại các nhà xưởng may để đảm bảo môi trường lao động.

- Đối với hoạt động của các phương tiện ra, vào Nhà máy: Bảo dưỡng định kỳ, đăng kiểm đúng hạn, tuân thủ đúng vận tốc quy định.

- Xây dựng hệ thống thu gom nước mưa, nước thải dạng kín, các hồ gas có nắp đậy; thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát sinh mùi hôi thối.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (khẩu trang, bao tay, nút tai chống ồn...) cho công nhân làm việc tại Nhà máy.

- Vào những ngày nắng nóng, hanh khô thực hiện phun nước trên tuyến đường nội bộ của nhà máy để giảm thiểu bụi đường cuốn theo phương tiện vận chuyển.

- Trồng cây xanh khu vực Nhà máy, đặc biệt dọc tuyến đường nội bộ và khu vực xử lý nước thải đảm bảo mật độ ít nhất 20%.

#### ***4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường***

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Trang bị và sử dụng 50 thùng rác loại 50 lít/thùng, có nắp đậy dọc hành lang tại các nhà xưởng, nhà văn phòng, nhà ăn công nhân để thu gom rác thải sinh hoạt. Bố trí 12 thùng rác loại 120 lít tại khu vực phòng nhà ăn để thu gom chất thải sinh hoạt;

+ Yêu cầu CBCNV không được vứt rác bừa bãi, rác thải sinh hoạt được thu gom bỏ vào thùng chứa rác có nắp đậy. Rác được công nhân vệ sinh thu gom và phân loại 2 lần/ngày về kho chứa CTR của dự án;

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đi xử lý với tần suất 1 lần/ngày.

- Chất thải rắn sản xuất:

+ Nguyên vật liệu dư thừa, sản phẩm lỗi: thu gom, xử lý theo yêu cầu của đơn vị đặt hàng hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Lưu giữ tại kho chứa phế thải tại Nhà rác của Công ty có diện tích 540 m<sup>2</sup>. Ký hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải rắn sản xuất với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định với tần suất theo tình hình phát sinh thực tế của công ty, tuyệt đối không xả rác bừa bãi;

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung, định kỳ lấy mẫu phân tích đánh giá để phân định theo QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước thải. Nếu

bùn thải không phải chất thải nguy hại, Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý chất thải công nghiệp định kỳ thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định. Nếu bùn thải là chất thải nguy hại Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại định kỳ thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định về quản lý CTNH.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành liên quan khác về bảo vệ môi trường.

#### **4.2.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại**

- Xây dựng kho chứa CTNH có diện tích 60 m<sup>2</sup>, bố trí ở khu vực khu vực Nhà rác, bên trong bố trí từ 06 thùng chứa (thể tích 500lít/thùng) có nắp đậy, được dán nhãn mác để lưu chứa chất thải nguy hại theo quy định.

- Định kỳ, hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, đưa đi xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành liên quan khác về bảo vệ môi trường.

#### **4.2.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác**

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng bảo trì các dây truyền thiết bị theo đúng định kỳ. Cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ mòn chi tiết và phải thường xuyên tra dầu bôi trơn cho các máy.

- Khi có sự cố hỏng hóc trên các dây truyền hay máy móc thiết bị phải dừng vận hành ngay và sửa chữa trước khi hoạt động lại.

- Trên các dây truyền máy móc thiết bị gây tiếng ồn lớn phải được lắp các thiết bị giảm âm là các đệm cao su được lót dưới chân đế các máy móc, thiết bị.

- Công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao được trang bị nút tai chống ồn.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dụng cho công nhân tham gia vận hành trên những dây truyền máy móc có tiếng ồn lớn như: nút tai chống ồn.

- Bố trí giờ làm hợp lý cho từng chuyền sản xuất để giảm mật độ người lao động ùn tắc trong những giờ cao điểm. Bố trí nhân viên bảo vệ hướng dẫn các phương tiện tại khu vực cổng ra vào của Nhà máy. Thường xuyên tuyên truyền nhắc nhở cán bộ, công nhân tuân thủ luật giao thông và đảm bảo an toàn giao thông.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

#### 4.2.5. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với rủi ro, sự cố:

- Sự cố hệ thống xử lý chất thải: Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom và xử lý nước thải; bố trí nhân viên quản lý, vận hành và giám sát vận hành các hệ thống thu gom, xử lý nước thải. Khi HTXLNT tập trung gặp sự cố, nước thải được thu gom vào 01 bể sự cố có thể tích 120m<sup>3</sup> với thời gian lưu nước thải của dự án trong 1 ngày; sau đó, bơm ngược lại về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Phòng cháy và chữa cháy: Trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy; đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

- Sự cố tai nạn lao động: Lắp đặt bảng nội quy an toàn lao động; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức người lao động.

- Sự cố hóa chất: Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất theo đúng quy định.

#### **Các công trình bảo vệ môi trường chính của dự án**

<b>Tên công trình</b>	<b>Thông số</b>	<b>Số lượng</b>
Hệ thống hút mùi hơi keo khu pha chế keo	Công suất quạt hút 5.000m <sup>3</sup> /h	01 hệ thống/khu vực phát sinh
Hệ thống hút mùi dung môi khu vực in xoa	Công suất quạt hút 10.000m <sup>3</sup> /h	01 hệ thống/khu vực phát sinh
Hệ thống hút mùi hơi keo, ép nhiệt	Công suất quạt hút 1.100m <sup>3</sup> /h	01 hệ thống/khu vực phát sinh
Hệ thống thoát nước mưa	Chiều dài 1250m	01 hệ thống
Hệ thống xử lý nước thải sản xuất	Công suất 10m <sup>3</sup> /ng.đ	01 hệ thống
Hệ thống xử lý nước thải tập trung	Công suất 120m <sup>3</sup> /ng.đ	01 hệ thống
Xây dựng kho chứa rác thải	Diện tích 540m <sup>2</sup>	01 kho
Thùng chứa rác thải sinh hoạt	Thể tích 50-120 lít	50 thùng
Ngăn chứa rác thải nguy hại	Diện tích 60m <sup>2</sup>	01 ngăn
Thùng chứa chất thải nguy hại	Thể tích 0,2-0,5m <sup>3</sup>	06 thùng
Hệ thống PCCC	Theo thiết kế được thẩm duyệt	01 hệ thống
Hệ thống chống sét	Bán kính thu sét 120m	01 hệ thống

## **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án**

Chủ đầu tư đề xuất thực hiện chương trình giám sát môi trường cho dự án như sau:

### **5.1. Giám sát chất lượng khí thải:**

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần
- Vị trí giám sát: 03 vị trí gồm:
  - + KT1: Khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khu vực in xoa;
  - + KT2: Khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khu vực trộn, pha chế keo;
  - + KT3: Khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khu vực quét keo, ép nhiệt.
- Chỉ tiêu giám sát:
  - + Lưu lượng, Bụi tổng, Aceton, Toluene, Xyclohexan;
- Quy chuẩn so sánh:
  - + QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
  - + QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất hữu cơ.

### **5.2. Giám sát chất lượng nước thải:**

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần
- Vị trí quan trắc: NT - Nước thải sau xử lý tại hệ thống XLNT tập trung của Nhà máy.
  - Chỉ tiêu quan trắc: Chỉ tiêu giám sát: Nhiệt độ, pH, COD, BOD<sub>5</sub>, TSS, Sunfua (tính theo H<sub>2</sub>S), NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, tổng P, tổng N, Coliform.
- Quy chuẩn so sánh:
  - + QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B).
  - + QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B).

### **5.3. Quan trắc chất lượng bùn thải**

- Tần suất giám sát: 1 năm/lần;
- Vị trí giám sát: BT: Mẫu bùn thải tại bể chứa bùn trạm XLNT tập trung
- Thông số giám sát: As, Cd, Pb, Zn, Tổng dầu, Toluene, benzen.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

## **6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:**

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm

định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.